

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 113/2008/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2008

BỘ CÔNG THƯƠNG	
ĐẾN	Số:
	Ngày:
	Chuyên:

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập và ban hành Quy chế quản lý và sử dụng
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp nhà nước ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 199/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý tài chính của công ty Nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác;

Căn cứ Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 110/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2008/NQ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5 năm 2008;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (sau đây gọi là Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương) để quản lý tập trung, thống nhất, có hiệu quả các nguồn thu từ sắp xếp và cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước.

Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương do Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước quản lý; Quỹ được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại nhà nước hoặc ngân hàng thương mại cổ phần, mọi hoạt động chi từ Quỹ được thống nhất thực hiện thông qua tài khoản này.

Điều 2. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 174/2002/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ sắp xếp và cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng quản trị các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty Nhà nước, các doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- BQL KKTCKQT Bờ Y;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (5b). M 405



The image shows the official seal of the Prime Minister of Vietnam, which is circular and contains the text 'THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ' and 'CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM'. Overlaid on the seal is a handwritten signature in black ink.

Nguyễn Tấn Dũng

QUY CHẾ
Quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 113/2008/QĐ-TTg
ngày 18 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ)*

Phần I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Phạm vi, đối tượng áp dụng Quy chế này là Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương được thành lập theo Quyết định số 113/2008/QĐ-TTg ngày 18 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Các khoản thu từ cổ phần hóa, bán doanh nghiệp đã sử dụng để giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư tại các doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, bán quy định tại quyết định này được xác định là các khoản thu, chi của Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương.

Phần II
NGUỒN THU CỦA QUỸ

Điều 3. Nguồn thu của Quỹ

1. Nguồn thu từ cổ phần hoá doanh nghiệp 100% vốn nhà nước quy định tại Điều 45 Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần (sau đây viết tắt là Nghị định số 109/2007/NĐ-CP).

2. Thu từ các hình thức sắp xếp chuyển đổi khác như giao, bán, giải thể, phá sản theo quy định của Chính phủ đối với Công ty nhà nước độc lập, Công ty trách nhiệm hữu hạn do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Các khoản thu sau cổ phần hóa bao gồm:

a) Tiền bán phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp khác thuộc đối tượng chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước nhưng chưa chuyển giao (sau khi trừ chi phí bán);

b) Các khoản tiền thu hồi giá trị cổ phần chia cho người lao động để hưởng cổ tức, cổ phần bán trả chậm cho người lao động nghèo trong doanh nghiệp đối với doanh nghiệp cổ phần hóa trước ngày 14 tháng 7 năm 1998 và thuộc đối tượng chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước.

4. Điều hoà từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

5. Khoản thu khác (nếu có).

Điều 4. Thời hạn nộp tiền về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương

1. Đối với các khoản thu theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Quy chế này.

Chậm nhất sau 30 ngày hoàn tất việc thu tiền từ bán tài sản, bán doanh nghiệp, bán cổ phần theo quy định hiện hành, các doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, bán hoặc Ban thanh lý doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp bị giải thể, phá sản) có trách nhiệm nộp đầy đủ, kịp thời về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương theo quy định tại Quy chế này.

2. Đối với các khoản thu theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy chế này: chậm nhất 30 ngày kể từ ngày thu được tiền Công ty cổ phần có trách nhiệm nộp khoản thu trên về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương. Người đại diện sở hữu phần vốn nhà nước hoặc cơ quan đại diện (đối với trường hợp không cử người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp) có trách nhiệm đôn đốc Hội đồng quản trị, Ban giám đốc thực hiện nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thu trên về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương.

3. Sau thời hạn trên, nếu phát sinh số tiền chậm nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương, doanh nghiệp phải chịu nộp lãi theo lãi suất tiền vay ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản tại thời điểm chậm nộp. Trường hợp do nguyên nhân bất khả kháng dẫn đến chậm nộp tiền thì trong thời hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, đơn vị phải báo cáo giải trình và được cơ quan quyết định sắp xếp chuyển đổi doanh nghiệp xác nhận về nguyên nhân bất khả kháng dẫn đến việc chậm nộp.

Phần III CÁC NỘI DUNG CHI CỦA QUỸ

Điều 5. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương được sử dụng

1. Hỗ trợ các nông, lâm trường quốc doanh, doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu. Cụ thể:

a) Giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư theo quy định tại Bộ Luật Lao động và các Nghị định số 110/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty nhà nước (sau đây viết tắt là Nghị định số 110/2007/NĐ-CP) và Nghị định số 109/2007/NĐ-CP.

b) Hỗ trợ các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có tình hình tài chính khó khăn khi thực hiện giao, giải thể thanh toán chi phí chuyển đổi và nợ bảo hiểm xã hội của người lao động.

c) Hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề cho lao động dôi dư có nguyện vọng học nghề theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 110/2007/NĐ-CP.

2. Hỗ trợ kinh phí cho các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ không đủ nguồn để giải quyết chính sách cho người lao động dôi dư khi thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu các đơn vị thành viên, đơn vị phụ thuộc theo quy định tại Nghị định số 109/2007/NĐ-CP và Nghị định số 110/2007/NĐ-CP và các quy định tại Quy chế này.

3. Bổ sung vốn điều lệ của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Đầu tư vào các dự án quan trọng, bao gồm cả dự án hạ tầng có thu hồi vốn theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Phần IV **QUẢN LÝ CHI CỦA QUỸ**

Mục 1

CHI HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP 100% VỐN NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN SẮP XẾP, CHUYỂN ĐỔI SỞ HỮU GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ CHO LAO ĐỘNG DÔI DƯ

Điều 6. Đối tượng được hỗ trợ

1. Người lao động dôi dư tại các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước năm 2003, các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ, các nông, lâm trường quốc doanh thực hiện các hình thức sắp xếp, chuyển đổi theo quy định của pháp luật.

2. Người lao động dôi dư (có tên trong danh sách lao động thường xuyên tại thời điểm quyết định cổ phần hóa) từ năm thứ 2 đến năm thứ 5 tại các công ty cổ phần được chuyển đổi theo Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần (sau đây gọi tắt là Nghị định số 187/2004/NĐ-CP) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trước ngày 01 tháng 8 năm 2007, ngày Nghị định số 109/2007/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

3. Các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, thành viên Ban Kiểm soát ở các doanh nghiệp, các nông, lâm trường quốc doanh thực hiện sắp xếp, chuyển đổi theo quy định tại Nghị định số 110/2007/NĐ-CP.

Điều 7. Nguyên tắc hỗ trợ kinh phí của Quỹ

1. Khi thực hiện cổ phần hoá, bán doanh nghiệp, doanh nghiệp phải dùng toàn bộ tiền thu từ cổ phần hoá, bán doanh nghiệp (sau khi trừ chi phí cổ phần hoá, chi phí bán doanh nghiệp) và Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm trích đủ theo quy định của pháp luật hiện hành để giải quyết chế độ cho người lao động dôi dư theo quy định tại Nghị định số 110/2007/NĐ-CP và quy định tại Bộ luật Lao động theo phương án sắp xếp lao động đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Phần kinh phí còn thiếu được Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương hỗ trợ theo quy định tại Quy chế này.

2. Khi thực hiện giao, chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nhà nước, sáp nhập, hợp nhất, chuyển thành đơn vị sự nghiệp có thu; doanh nghiệp và nông, lâm trường quốc doanh thực hiện sắp xếp lại phải sử dụng toàn bộ nguồn quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm trích đủ theo quy định của pháp luật hiện hành để giải quyết chế độ cho người lao động dôi dư theo quy định tại Nghị định số 110/2007/NĐ-CP và Bộ luật Lao động. Phần kinh phí còn thiếu sẽ được Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương hỗ trợ theo quy định tại Quy chế này.

3. Việc hỗ trợ kinh phí giải quyết chính sách lao động của công ty cổ phần chuyển đổi theo Nghị định số 187/2004/NĐ-CP được thực hiện mỗi năm một lần và theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 187/2004/NĐ-CP.

Điều 8. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí cho lao động dôi dư, bao gồm:

Hồ sơ đề nghị Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương hỗ trợ giải quyết chế độ cho lao động dôi dư bao gồm:

1. Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí giải quyết chế độ cho lao động dôi dư của doanh nghiệp.

2. Phương án sắp xếp lại lao động, đào tạo lại (kèm theo danh sách lao động thường xuyên tại thời điểm quyết định sắp xếp, chuyển đổi sở hữu, danh sách người lao động được hưởng trợ cấp và được đào tạo lại) đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Phương án xác định mức trợ cấp đối với lao động dôi dư được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

a) Phương án xác định mức trợ cấp cho lao động nghỉ việc, thôi việc theo Nghị định số 110/2007/NĐ-CP, Bộ luật Lao động và các văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

b) Phương án xác định mức trợ cấp cho người lao động nghỉ việc của 3 chức danh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

4. Báo cáo cụ thể việc trích lập và sử dụng quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp trong 3 năm từ thời điểm sắp xếp lại doanh nghiệp trở về trước.

5. Quyết định phê duyệt phương án sắp xếp, chuyển đổi sở hữu của cơ quan có thẩm quyền.

6. Báo cáo quyết toán tài chính 3 năm liên tục đến thời điểm có quyết định sắp xếp lại doanh nghiệp.

7. Đối với doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, bán doanh nghiệp thì ngoài các tài liệu quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này còn phải bổ sung thêm:

a) Báo cáo quyết toán chi phí cổ phần hoá, bán doanh nghiệp; quyết toán số tiền thu từ cổ phần hoá, bán doanh nghiệp;

b) Bản giải trình về sử dụng nguồn thu cổ phần hoá, bán doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền xác nhận.

8. Riêng trường hợp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện giải thể, phá sản, hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí giải quyết chế độ cho lao động dôi dư của doanh nghiệp có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Quyết định mở thủ tục phá sản của toà án; quyết định giải thể doanh nghiệp của cấp có thẩm quyền;

c) Dự toán kinh phí để giải quyết lao động dôi dư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

9. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí giải quyết chính sách, chế độ lao động dôi dư của Công ty cổ phần được chuyển đổi theo Nghị định số 187/2004/NĐ-CP từ năm thứ 2 đến năm thứ 5 sau khi chuyển thành công ty cổ phần, bao gồm:

- a) Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí giải quyết chế độ cho lao động dôi dư của doanh nghiệp;
- b) Danh sách lao động thường xuyên tại thời điểm quyết định cổ phần hóa;
- c) Phương án sắp xếp lao động được Hội đồng quản trị phê duyệt;
- d) Dự toán kinh phí;
- đ) Báo cáo quyết toán tài chính của năm liền kề năm thực hiện sắp xếp lại lao động;
- e) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Điều 9. Trình tự lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ

1. Doanh nghiệp có trách nhiệm lập đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 9 Quy chế này, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trước khi gửi hồ sơ tới cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, doanh nghiệp phải niêm yết công khai danh sách lao động dôi dư và dự toán kinh phí chi trả chế độ đối với người lao động dôi dư được xác định theo quy định trong thời gian 03 ngày làm việc để người lao động kiểm tra đối chiếu.

3. Thời hạn gửi hồ sơ về Bộ Tài chính để thẩm định và ra quyết định xuất quỹ như sau:

a) Không quá 90 ngày, kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp, chuyển đổi đối với các doanh nghiệp thực hiện các hình thức giao, chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nhà nước, giải thể, phá sản, sáp nhập, hợp nhất, chuyển thành đơn vị sự nghiệp có thu;

b) Không quá 60 ngày, kể từ ngày doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp đối với trường hợp doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, bán có tiền thu từ cổ phần hóa, bán doanh nghiệp không đủ giải quyết kinh phí lao động dôi dư.

Các hồ sơ gửi sau thời hạn trên nếu không có lý do bất khả kháng thì không được xem xét, xử lý. Trường hợp do nguyên nhân bất khả kháng phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền;

c) Không quá 45 ngày, kể từ ngày Hội đồng quản trị phê duyệt phương án sắp xếp lại lao động trong công ty cổ phần.

4. Trường hợp khi chưa được cấp kinh phí nhưng công ty đã hoàn tất việc chuyển đổi, đã đăng ký kinh doanh theo pháp nhân mới thì công ty có trách nhiệm kịp thời thông báo bằng văn bản về tên và số hiệu tài khoản mới của công ty đến Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương.

5. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Tài chính có trách nhiệm thẩm định ra quyết định xuất quỹ và gửi cho Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương để thực hiện hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp theo phương án được duyệt. Trường hợp hồ sơ không đảm bảo các yêu cầu theo quy định hoặc có sai sót về số liệu tính toán, sau 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Tài chính phải thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp biết để hoàn chỉnh.

6. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, sau khi nhận được quyết định xuất Quỹ của Bộ Tài chính, Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương thực hiện cấp kinh phí cho doanh nghiệp.

Điều 10. Tổ chức chi trả

Sau khi nhận được kinh phí từ Quỹ, doanh nghiệp có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai tại công ty mức kinh phí được hưởng của từng người lao động trong thời gian tối thiểu là 3 ngày làm việc.

2. Hoàn tất việc chi trả trợ cấp cho người lao động dôi dư trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày doanh nghiệp nhận được kinh phí.

3. Việc chi trả phải đúng đối tượng, đúng số tiền và theo danh sách đã được phê duyệt. Khi chi trả doanh nghiệp phải lập bảng kê người lao động nhận trợ cấp theo mẫu quy định tại Phụ lục I Quy chế này. Người lao động, người đại diện được uỷ quyền hoặc người quản lý di sản theo quy định của Bộ luật Dân sự ký nhận tiền trợ cấp vào phiếu chi và bảng kê.

Điều 11. Hỗ trợ kinh phí cho Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ

1. Trường hợp Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ không đủ nguồn để hỗ trợ các doanh nghiệp thành viên, đơn vị trực thuộc thực hiện sắp xếp, chuyển đổi giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư thì Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ lập hồ sơ gửi về Bộ Tài chính đề tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định việc điều hoà kinh phí từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương về Quỹ hỗ trợ sắp xếp tại doanh nghiệp Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ.

2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí gồm:

- a) Công văn đề nghị của Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ;
- b) Báo cáo tình hình quản lý và sử dụng nguồn Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ;
- c) Dự toán kinh phí để giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư ở các doanh nghiệp thành viên, đơn vị phụ thuộc theo quy định tại Nghị định số 110/2007/NĐ-CP và Bộ luật Lao động;
- d) Ý kiến xác nhận của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ thuộc phạm vi quản lý.

Điều 12. Báo cáo quyết toán kinh phí

1. Đối với khoản kinh phí cấp cho doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ:

a) Trong vòng 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kinh phí, doanh nghiệp có trách nhiệm chi trả và lập báo cáo quyết toán kinh phí gửi cơ quan phê duyệt phương án sắp xếp lao động để phê duyệt hồ sơ, bao gồm :

- Bảng kê người lao động nhận trợ cấp (Phụ lục I Quy chế này);
- Báo cáo sử dụng kinh phí cấp từ Quỹ (Phụ lục II Quy chế này);
- Báo cáo kết quả thực hiện sắp xếp lao động theo quy định.

b) Trong thời hạn 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kinh phí, doanh nghiệp phải nộp báo cáo quyết toán đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương (bản chính) và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của số liệu báo cáo quyết toán;

c) Nguồn kinh phí sau khi chi trả cho người lao động còn thừa (nếu có), doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn trả về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương cùng với việc lập và gửi báo cáo quyết toán kinh phí nêu trên.

2. Đối với khoản kinh phí cấp cho cơ quan bảo hiểm xã hội: trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày nhận được kinh phí, cơ quan bảo hiểm xã hội phải lập báo cáo sử dụng kinh phí (theo Phụ lục III Quy chế này) gửi về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương.

Mục 2
CẤP KINH PHÍ CHO CÁC CƠ SỞ DẠY NGHỀ
ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG TẠI DOANH NGHIỆP 100% VỐN NHÀ NƯỚC
THỰC HIỆN SẮP XẾP, CHUYỂN ĐỔI SỞ HỮU

Điều 13. Lập và thẩm định hồ sơ cấp kinh phí

1. Các cơ sở đào tạo nghề cho người lao động dôi dư lập và gửi đơn đề nghị thanh toán kinh phí đào tạo (Phụ lục IV Quy chế này), kèm theo các phiếu học nghề miễn phí (bản gốc) và bản sao các quyết định nghỉ việc của người lao động dôi dư học nghề tại cơ sở đào tạo đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Tài chính nơi cơ sở dạy nghề đóng trụ sở.

Cơ sở đào tạo nghề chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác trong đơn đề nghị thanh toán kinh phí đào tạo.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm thẩm định về số lao động dôi dư thực tế đào tạo tại cơ sở dạy nghề, thời gian đào tạo nghề (tối đa không quá 6 tháng).

3. Sở Tài chính chịu trách nhiệm thẩm định về mức chi đào tạo thực tế phát sinh. Mức chi phí đào tạo cho một người/tháng tối đa không quá mức tiền lương tối thiểu do Chính phủ quy định tại thời điểm thẩm định.

Điều 14. Thủ tục xuất Quỹ

1. Hồ sơ đề nghị cấp kinh phí của các cơ sở đào tạo nghề được gửi về Bộ Tài chính để thẩm định và ra quyết định xuất quỹ.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do cơ sở dạy nghề gửi, Bộ Tài chính ra quyết định xuất quỹ gửi Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương, cơ sở dạy nghề, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính nơi cơ sở dạy nghề đóng trụ sở, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Kho bạc Nhà nước.

Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo các yêu cầu theo quy định, trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Tài chính thông báo bằng văn bản cho cơ sở dạy nghề, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính biết để hoàn chỉnh.

3. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, sau khi nhận được quyết định xuất quỹ, Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương thực hiện cấp kinh phí cho cơ sở dạy nghề.

Mục 3
BỔ SUNG VỐN ĐIỀU LỆ CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ
VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC THEO QUYẾT ĐỊNH
CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Điều 15. Trình tự, thủ tục bổ sung vốn cho Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước

1. Căn cứ vào nhu cầu và quy mô phát triển kinh doanh, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước xây dựng phương án bổ sung vốn điều lệ và gửi về Bộ Tài chính để thẩm định báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Trình tự, thủ tục xây dựng và phê duyệt bổ sung vốn điều lệ của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước thực hiện theo quy định tại Nghị định số 132/2005/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ và Nghị định số 86/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2005/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2005 về thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước.

2. Căn cứ vào Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung vốn điều lệ, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước thực hiện điều chuyển nguồn vốn, hạch toán tăng vốn chủ sở hữu và giảm nguồn Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương tương ứng.

3. Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước có trách nhiệm sử dụng nguồn tăng vốn điều lệ để đáp ứng yêu cầu kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Mục 4
ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG
THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Điều 16. Kế hoạch vốn đầu tư

Hàng năm, căn cứ vào nhiệm vụ kế hoạch về đầu tư các dự án quan trọng, dự án phát triển hạ tầng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan:

1. Rà soát kế hoạch triển khai và khả năng cân đối nguồn vốn của các dự án trong từng giai đoạn.

2. Tổng hợp và xây dựng kế hoạch nguồn vốn đầu tư từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương báo cáo Bộ Tài chính thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ quyết định. Kế hoạch nguồn vốn đầu tư, bao gồm:

- a) Kế hoạch nguồn Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương;
- b) Kế hoạch điều hòa nguồn quỹ tại các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ (nếu thiếu).

Điều 17. Bảo đảm cấp phát vốn

Căn cứ vào nhiệm vụ đầu tư và kế hoạch nguồn vốn đầu tư đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước có trách nhiệm bảo đảm cấp phát vốn theo tiến độ triển khai của các dự án thông qua hệ thống Kho bạc Nhà nước. Trình tự, thủ tục cấp phát vốn đầu tư từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương được thực hiện theo các quy định về cấp phát và thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

Điều 18. Kiểm tra, quyết toán vốn đầu tư

Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra tình hình thực hiện dự án đầu tư và tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư theo các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư; kịp thời phát hiện và xử lý các vướng mắc hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Phần V ĐIỀU HOÀ QUỸ

Điều 19. Nguyên tắc điều hoà

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định điều hoà nguồn của các Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ có số dư lớn về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương để bảo đảm mục tiêu đầu tư các dự án quan trọng.

2. Việc điều hoà Quỹ phải bảo đảm:

- a) Không gây ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch sắp xếp chuyển đổi doanh nghiệp tại các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ;
- b) Phù hợp với tiến độ triển khai của các dự án quan trọng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 20. Trình tự, thủ tục

1. Bộ Tài chính căn cứ vào báo cáo số dư Quỹ hàng năm và nhu cầu sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ; kế hoạch thực hiện các dự án đầu tư quan trọng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chuyển tiền từ các Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương.

2. Căn cứ vào quyết định điều hoà quỹ của Thủ tướng Chính phủ, trong phạm vi 15 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định, Hội đồng quản trị, Ban điều hành các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ có trách nhiệm chuyển tiền từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tập đoàn hoặc Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ về tài khoản của Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về việc chậm triển khai Quyết định điều hoà Quỹ của Thủ tướng Chính phủ.

Phần VI

KẾ TOÁN QUỸ VÀ BÁO CÁO QUYẾT TOÁN

Điều 21. Kế toán Quỹ

Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước có trách nhiệm mở sổ kế toán, hạch toán rõ ràng, đầy đủ các khoản thu - chi phát sinh; tổ chức việc lưu trữ hồ sơ, chứng từ theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Báo cáo Quỹ

1. Trong phạm vi 45 ngày sau khi kết thúc năm tài chính, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước phải gửi báo cáo quyết toán Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương về Bộ Tài chính. Báo cáo quyết toán Quỹ phải phản ánh đầy đủ, trung thực số liệu tại thời điểm lập báo cáo; tình hình thu, chi và những vấn đề còn tồn tại trong công tác quản lý Quỹ kèm theo xác nhận số dư Quỹ của Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại nơi Quỹ mở tài khoản.

2. Định kỳ hàng quý Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước có trách nhiệm tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính về tình hình quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương.

Điều 23. Lưu trữ hồ sơ chứng từ

Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước có trách nhiệm lưu trữ sổ sách, chứng từ, tài liệu có liên quan trực tiếp đến hoạt động thu chi của Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương theo quy định hiện hành để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan liên quan.

Phần VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

1. Trách nhiệm của Bộ Tài chính:

a) Kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương theo quy định của pháp luật;

b) Tiếp nhận, thẩm định và ra quyết định xuất quỹ để giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư (bao gồm cả kinh phí hỗ trợ đào tạo lại) khi thực hiện sắp xếp các doanh nghiệp thuộc phạm vi, đối tượng hỗ trợ của Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương;

c) Thẩm định và tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định việc điều hoà, bổ sung vốn điều lệ cho Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước, các dự án đầu tư, các công trình quan trọng từ nguồn Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương.

2. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: phối hợp với Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước triển khai thực hiện các quy định tại Điều 10 Nghị định số 110/2007/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty nhà nước.

3. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

a) Thẩm định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu của hồ sơ đề nghị hỗ trợ lao động dôi dư; kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách đối với lao động dôi dư tại các doanh nghiệp thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu theo đúng quy định của pháp luật;

b) Kiểm tra, giám sát và đôn đốc các doanh nghiệp thực hiện báo cáo quyết toán kinh phí lao động dôi dư và quyết toán tiền thu từ cổ phần hóa (kể cả các doanh nghiệp đủ nguồn, không đề nghị Quỹ hỗ trợ doanh nghiệp Trung ương hỗ trợ); phê duyệt các báo cáo quyết toán trên và gửi về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương đúng thời hạn quy định;

c) Kiểm tra, giám sát, đôn đốc các Công ty nhà nước độc lập, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nhà nước; Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý, nộp đầy đủ, kịp thời tiền thu từ hoạt động sắp xếp, chuyển đổi sở hữu về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương;

d) Quyết toán Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại địa phương thành lập theo Quyết định số 174/2002/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ và thực hiện chuyển toàn bộ số tiền còn lại về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành.

4. Trách nhiệm của các doanh nghiệp được cấp kinh phí.

Các doanh nghiệp được hỗ trợ kinh phí giải quyết chế độ cho người lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của số liệu khi xác định chế độ chi trả cho người lao động theo quy định hiện hành; có trách nhiệm trích lập và sử dụng quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm theo quy định, quyết toán đầy đủ nguồn thu từ cổ phần hoá, bán doanh nghiệp (đối với trường hợp thực hiện hình thức cổ phần hoá, bán doanh nghiệp) để chi trả trợ cấp cho người lao động dôi dư tại thời điểm sắp xếp lại doanh nghiệp; thực hiện chi trả kinh phí cho người lao động dôi dư, lập báo cáo quyết toán sử dụng kinh phí; lưu trữ sổ sách chứng từ đầy đủ theo quy định tại Quy chế này; chịu sự kiểm tra giám sát của Bộ Tài chính và Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước.

5. Trách nhiệm của người lao động dôi dư được tái tuyển dụng và đơn vị tái tuyển dụng.

Người lao động dôi dư theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 110/2007/NĐ-CP đã nhận trợ cấp từ Quỹ nếu được tái tuyển dụng lại vào công ty nhà nước, nông, lâm trường đã cho thôi việc, hoặc công ty nhà nước, nông, lâm trường, cơ quan khác thuộc khu vực nhà nước, hoặc được nông, lâm trường giao đất, giao rừng thì phải nộp trả Quỹ toàn bộ hoặc một phần số tiền trợ cấp đã nhận theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 110/2007/NĐ-CP. Đơn vị tuyển dụng lao động có trách nhiệm thu hồi số tiền trợ cấp mà người lao động hoàn trả và nộp về tài khoản của Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương ngay sau khi ký hợp đồng lao động; đồng thời, thông báo bằng văn bản cho Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước biết để thu hồi.

Đơn vị tuyển dụng và người lao động được tái tuyển dụng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu làm trái quy định tại Điều này.

Điều 25. Trách nhiệm của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước

1. Quản lý và sử dụng nguồn Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương theo quy định tại Quy chế này.

2. Kiểm tra, đôn đốc các doanh nghiệp thực hiện sắp xếp nộp tiền về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương theo quy định tại Điều 4 Quy chế này.

3. Thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế thực hiện sắp xếp (thuộc phạm vi được Quỹ hỗ trợ) giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư; hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở đào tạo nghề cho người lao động dôi dư theo quyết định của Bộ Tài chính.

4. Theo dõi việc chấp hành chính sách, chế độ giải quyết lao động dôi dư tại các đơn vị được Quỹ hỗ trợ kinh phí theo quy định tại Quy chế này.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát, điều hoà Quỹ của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài chính.

6. Xây dựng kế hoạch thu, chi Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương hàng năm báo cáo Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.



Nguyễn Tấn Dũng



Phụ lục I
(Bổ hành kèm theo Quyết định số 113/2008/QĐ-TTg
ngày 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ)

Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền
Tên công ty:

BẢNG KÊ NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐÃ NHẬN TRỢ CẤP
Từ ngày... tháng ... năm 200.. đến ngày ..tháng... năm 200...

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Tháng năm sinh		Đối tượng 03 chức danh nghỉ hưu trước tuổi	Đối tượng 03 chức danh bị thôi việc	Lao động nghỉ hưu trước tuổi	Lao động hợp đồng không xác định thời hạn	Lao động hợp đồng đủ 12 đến 36 tháng bị mất việc	Lao động nông lâm trường	Tổng số tiền trợ cấp đã nhận	Đã nhận phiếu học nghề miễn phí	Ký tên
		Nam	Nữ									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Tổng cộng											

Ghi chú : Cột 5, 6, 7, 8, 9, 10: người lao động thuộc đối tượng cột nào thì đánh dấu x vào cột đó.

Cột 10 : đối tượng lao động của nông lâm trường chấm dứt quan hệ lao động theo quy định tại Điều 42 Bộ luật Lao động

..., ngày... tháng... năm 200...
THẨM ĐỊNH CỦA CƠ QUAN
PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN SẮP
XẾP LAO ĐỘNG

..., ngày... tháng... năm 200...
Ý KIẾN CỦA TỔNG CÔNG TY
(đối với đơn vị thuộc tổng công ty)

..., ngày... tháng... năm 200...
GIÁM ĐỐC CÔNG TY
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Phụ lục II
Phân hành theo Quyết định số 113/2008/QĐ-TTg
năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ)

Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền
Tên công ty

BÁO CÁO SỬ DỤNG KINH PHÍ ĐƯỢC CẤP TỪ QUỸ
Từ ngày... tháng ... năm 200.. đến ngày ..tháng... năm 200..

TT	Nội dung hỗ trợ từ Quỹ	Số lao động nhận trợ cấp (người)	Kinh phí đã nhận từ Quỹ (đồng)	Thực tế chi trả (đồng)	Chênh lệch (đồng)	Lý do
1	Phần kinh phí thuộc trách nhiệm của Quỹ					
1.1	Kinh phí để chi trả cho người lao động nghỉ hưu trước tuổi : <i>Trong đó đối tượng nghỉ theo Nghị quyết số 09/2003/NQ-CP</i>					
1.2	Kinh phí để chi trả cho người lao động thực hiện hợp đồng lao động không xác định thời hạn bị mất việc: Trong đó đối tượng nghỉ theo Nghị quyết số 09/2003/NQ-CP					

1.3	Kinh phí để chi trả trợ cấp cho người lao động thực hiện hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 bị mất việc					
2	Hỗ trợ phần kinh phí còn thiếu thuộc trách nhiệm chi trả trợ cấp của công ty <i>Bao gồm cả kinh phí hỗ trợ người lao động của nông lâm trường chấm dứt quan hệ lao động theo quy định tại Điều 42 Bộ Luật Lao động (nếu có)</i>					
	Tổng cộng					

..., ngày... tháng... năm 200...
**THẨM ĐỊNH CỦA CƠ QUAN
 PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN SẮP
 XẾP LAO ĐỘNG**

..., ngày... tháng... năm 200...
Ý KIẾN CỦA TỔNG CÔNG TY
 (đối với đơn vị thuộc tổng công ty)

..., ngày... tháng... năm 200...
GIÁM ĐỐC CÔNG TY
 (ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Phụ lục III

*Ban hành kèm theo Quyết định số 113/2008/QĐ-TTg
ngày 18 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ)*

Tên cơ quan BHXH
Số:...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO

Kết quả sử dụng kinh phí từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương

Bảo hiểm xã hội tỉnh/thành phố... thông báo kết quả sử dụng kinh phí từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp trung ương để giải quyết chế độ cho người lao động đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định hiện hành nhưng còn thiếu thời gian đóng bảo hiểm xã hội tối đa là 06 tháng như sau:

1. Số kinh phí đã nhận từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương :... đồng.
2. Thời điểm nhận tiền: ngày...tháng...năm 200...
3. Theo Quyết định số... của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
4. Đã sử dụng để giải quyết chế độ cho ...người lao động dôi dư theo đúng danh sách người lao động đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định hiện hành nhưng còn thiếu thời gian đóng bảo hiểm xã hội tối đa là 06 tháng trong hồ sơ của doanh nghiệp (danh sách kèm theo).
5. Các giải trình khác (nếu có).

GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH/THÀNH PHỐ...
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Phụ lục IV

Thực hành kèm theo Quyết định số 113/2008/QĐ-TTg
ngày 18 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ)

Tên cơ sở dạy nghề
Số tài khoản:
Ngân hàng:
Số:...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN KINH PHÍ ĐÀO TẠO

Kính gửi: Quỹ hỗ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương

Cơ sở dạy nghề ... đề nghị Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp trung ương
do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước thanh toán kinh phí đào tạo lại nghề
miễn phí cho người lao động dôi dư tại các công ty sắp xếp lại theo quy định
hiện hành của Nhà nước, cụ thể như sau:

STT	Họ tên học viên	Công ty	Nghề đào tạo lại	Thời gian đào tạo	Giá đào tạo/1 tháng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6	7
1						
...						
	Tổng cộng					

Hướng dẫn: Cột 7 = cột 5 x cột 6

Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA
SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

GIÁM ĐỐC CƠ SỞ DẠY NGHỀ
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA SỞ TÀI CHÍNH

